

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-11-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Bà Lê Kim Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị D, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Ấp VA, xã GH, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Ấp x, xã TP2, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 9 năm 2022 và Biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 10 năm 2022, chị Đặng Thị D trình bày: Năm 2015, chị và anh Trần Văn T cưới nhau, trước khi cưới có sự mai mối và anh chị cùng có tìm hiểu hai bên có tình cảm với nhau, sau đó anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP2, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc được 03 năm thì có nhiều quan điểm bất đồng nên anh chị đã chia tay vào khoảng năm 2018. Nay nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không hàn gắn tình cảm được nữa, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nên chị yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung: Chị và anh T chung sống không có con chung, nên không yêu cầu giải quyết. Về chia tài sản chung: Chị và anh T chung sống không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản khai ngày 07 tháng 11 năm 2022, anh Trần Văn T trình bày: Năm 2015, được người mai mối nên hai bên gia đình tổ chức lễ cưới cho anh và chị Đặng Thị D, sau khi cưới xong thì sinh sống cùng với gia đình của anh và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP2, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc, đến năm 2020 thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về chuyện tình cảm, hai vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã và đã ly thân với nhau. Nay chị Đặng Thị D xin ly hôn, anh cũng thống nhất ly hôn. Về con chung: Anh và chị D chung sống không có con chung, nên không yêu cầu giải quyết. Về chia tài sản chung: Anh và chị D chung sống không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Đặng Thị D được ly hôn với anh Trần Văn T; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh T trình bày không có, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn chị Đặng Thị D và anh Trần Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đặng Thị D và anh Trần Văn T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị D đối với anh Trần Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị D thì cuộc sống của chị và anh T không còn hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, còn anh T cho rằng vợ chồng mâu thuẫn về chuyện tình cảm, cãi nhau thường xuyên và đã không còn chung sống với nhau nữa. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị D đối với anh T hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”* và anh T cũng đồng ý ly hôn, cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị D ly hôn với anh T.

[4] Về việc nuôi con: Chị Đặng Thị D và anh Trần Văn T cho rằng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Đặng Thị D và anh Trần Văn T cho rằng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị D, cho ly hôn giữa chị Đặng Thị D và anh Trần Văn T.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Đặng Thị D chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004101 ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã Thường Phước 2, huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng